

Số: 1623 /PGDĐT

Uông Bí, ngày 30 tháng 12 năm 2020

V/v lấy ý kiến tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2021 - 2022

Kính gửi: Các đơn vị Trường học trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện Công văn số 3587/SGDĐT-KHTC ngày 25/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc lấy ý kiến tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2021 - 2022. Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu (dự kiến báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kỳ họp chuyên đề Quý I năm 2021), phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị trường học triển khai các công việc như sau:

1. Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trường học công lập thuộc Phòng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung tại mục 1,2,3 Công văn số 3587/SGDĐT-KHTC ngày 25/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo (gửi kèm theo văn bản này);

2. Các đơn vị Trường học gửi Báo cáo về các khoản thu, mức thu (Mẫu 01); Tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh (Mẫu 03) về phòng Giáo dục và Đào tạo bằng văn bản và gửi đồng chí kế toán qua Email: vinhpt.246@gmail.com (*Thời hạn: trước ngày 15/01/2021*) để lưu tại Phòng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và tổng hợp Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các Hiệu trưởng nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện; nếu có vướng mắc cần trao đổi đề nghị phản ánh về Phòng Giáo dục và Đào tạo theo số điện thoại của đồng chí phụ trách kế toán: 0386 311 989 để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (thực hiện);
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT (chỉ đạo);
- Công thông tin điện tử ngành;
- Lưu: VT, TH, KH -TV, CM.



Phan Hồng Anh

Số: 3587 /SGDDT-KHTC

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2020

V/v lấy ý kiến tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2021 - 2022

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường trung học phổ thông công lập;
- Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh; các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2021 - 2022 (dự kiến báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp chuyên đề Quý I năm 2021), Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị:

1. Tổ chức tuyên truyền nội dung dự thảo Nghị quyết (gửi kèm văn bản này) để xin ý kiến tham gia rộng rãi của nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau (qua Công thông tin điện tử hoặc trang web của địa phương, đơn vị hoặc qua các giao thức mạng; qua hội nghị, cuộc họp; gửi trực tiếp cho cha mẹ học sinh ...); hoàn thành trước ngày 31/12/2020;

2. Báo cáo khoản thu, mức thu đơn vị đang thực hiện trong năm học 2020 - 2021 theo Mẫu 01 gửi kèm công văn này.

3. Tổ chức xin ý kiến trực tiếp của 100% cha mẹ học sinh tại hội nghị/họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ I năm học 2020 - 2021 đối với nội dung dự thảo Nghị quyết, lập Biên bản cho từng lớp (lưu tại đơn vị để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát) và tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh theo Mẫu 03 gửi kèm công văn này¹.

Khi tuyên truyền, xin ý kiến cần lưu ý một số nội dung để phổ biến, giải thích cho nhân dân, cha mẹ học sinh:

- Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết;
- Cơ sở đề xuất khoản thu và việc tính toán mức thu của mỗi khoản thu, trong đó nêu rõ: (1) Mức thu tại dự thảo Nghị quyết là mức thu tối đa (không

¹ Trường hợp không tổ chức hội nghị/họp cha mẹ học sinh, đơn vị chủ động xin ý kiến trực tiếp của từng cha mẹ học sinh trong toàn trường, thu thập thông tin để tổng hợp theo Mẫu 03.

CV PGD
1623:
30/12/2020

phải là mức thu ấn định, bắt buộc); mức thu cụ thể của từng trường được xác định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất dự toán chi giữa cha mẹ học sinh với nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương trong từng năm học; mức thu cụ thể không được vượt mức thu tối đa; (2) Mức thu tối đa áp dụng từ năm học 2021 - 2022 và cho nhiều năm học sau nên cần đảm bảo tính lâu dài, tránh việc phải đề nghị sửa đổi, bổ sung hàng năm;

- Công tác quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ trong nhà trường; trách nhiệm của nhà trường và cha mẹ học sinh.

Để thuận lợi cho việc tổng hợp ý kiến tham gia trong toàn tỉnh, kịp thời hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị:

- Các đơn vị trường học (bao gồm cả đơn vị trực thuộc Sở) gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/01/2021: (1) Báo cáo về khoản thu, mức thu (Mẫu 01); (2) Tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh (Mẫu 03);

- Phòng Giáo dục và Đào tạo gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/01/2021: (1) Tổng hợp báo cáo về khoản thu, mức thu của các đơn vị trường học trên địa bàn theo Mẫu 02 gửi kèm công văn này (báo cáo của các đơn vị lưu tại Phòng để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát); (2) Tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh các đơn vị trường học trên địa bàn theo Mẫu 04 gửi kèm công văn này (tổng hợp của các đơn vị lưu tại Phòng để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, tổ chức tuyên truyền, xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết và gửi các báo cáo đúng thời gian quy định./.

Người ký: Hà Huy Long
Thời gian ký: 25.12.2020 10:04:58 +07:00

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban VHXH HỖND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Ngọc Sơn

TRƯỜNG/TRUNG TÂM: ...

BÁO CÁO

Khoản thu, mức thu đang thực hiện trong năm học 2020 - 2021

Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Tổ chức bán trú tại trường		
a) Thuê người nấu ăn	đồng/HS/tháng	
b) Quản lý học sinh (mầm non, tiểu học)	đồng/HS/tháng	
c) Tiền ăn	đồng/HS/tháng	
d) Mua sắm vật dụng phục vụ	đồng/HS/năm	
2. Nước uống		
a) Học 01 buổi/ngày	đồng/HS/tháng	
b) Học 02 buổi/ngày	đồng/HS/tháng	
3. Giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ		
a) Đón sớm, trả muộn	đồng/trẻ/tháng	
b) Ngày thứ Bảy	đồng/trẻ/ngày	
c) Trong thời gian nghỉ hè	đồng/trẻ/tuần	
4. Học thêm		
a) Các môn văn hóa (trung học, thường xuyên)	đồng/HS/giờ dạy	
b) Hoạt động khác sau giờ học chính thức	đồng/HS/giờ dạy	
c) Tin học (tự chọn)	đồng/HS/giờ dạy	
d) Ngoại ngữ (tự chọn)	đồng/HS/giờ dạy	
đ) Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy	đồng/HS/giờ dạy	
5. Thuê phương tiện đưa đón học sinh	đồng/HS/tháng	
6. Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học	đồng/HS/tháng	
7. Trông giữ phương tiện tham gia giao thông		
a) Xe đạp	đồng/xe/tháng	
b) Xe đạp điện, xe máy điện	đồng/xe/tháng	
8. Vệ sinh chung ngoài lớp học	đồng/HS/tháng	
9. Hoạt động trải nghiệm	đồng/HS/năm	

....., ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ...

TỔNG HỢP

Khoản thu, mức thu đang thực hiện trong năm học 2020 - 2021

Khoản thu	Số đơn vị tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	
			Cao nhất	Thấp nhất
Đã bán trú tại trường				
Người nấu ăn		đồng/HS/tháng		
Chi lý học sinh (mầm non, tiểu học)		đồng/HS/tháng		
Ăn		đồng/HS/tháng		
Sắm vật dụng phục vụ		đồng/HS/năm		
Uống				
01 buổi/ngày		đồng/HS/tháng		
02 buổi/ngày		đồng/HS/tháng		
Lịch trẻ em mầm non ngoài giờ				
Sớm, trả muộn		đồng/trẻ/tháng		
Thứ Bảy		đồng/trẻ/ngày		
Ngày thời gian nghỉ hè		đồng/trẻ/tuần		

Khoản thu	Số đơn vị tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	
			Cao nhất	Thấp nhất
lên				
nôn văn hóa (trung học, thường xuyên)		đồng/HS/giờ dạy		
động khác sau giờ học chính thức		đồng/HS/giờ dạy		
ọc (tự chọn)		đồng/HS/giờ dạy		
ii ngữ (tự chọn)		đồng/HS/giờ dạy		
ngoại ngữ có người nước ngoài dạy		đồng/HS/giờ dạy		
hương tiện đưa đón học sinh		đồng/HS/tháng		
í sử dụng điện máy điều hòa lớp học		đồng/HS/tháng		
giữ phương tiện tham gia giao thông				
ạp		đồng/xe/tháng		
ạp điện, xe máy điện		đồng/xe/tháng		
h chung ngoài lớp học		đồng/HS/tháng		
lộng trải nghiệm		đồng/HS/năm		

: Mức thu bình quân = Tổng các mức thu của khoản thu/Số trường tổ chức thu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG/TRUNG TÂM: ...

TỔNG HỢP

Kết quả lấy ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh đối với Dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

I. Kết quả xin ý kiến tham gia

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % (so với tổng số)
1	Lớp tổ chức xin ý kiến		
2	Cha mẹ học sinh được xin ý kiến		
3	Cha mẹ học sinh đồng ý hoàn toàn		
4	Cha mẹ học sinh đồng ý nhưng đề nghị sửa đổi, bổ sung		
5	Cha mẹ học sinh có ý kiến tham gia		
6	Cha mẹ học sinh không đồng ý		

II. Tổng hợp ý kiến tham gia

1. Ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung:

TT	Nội dung	Ý kiến
1	Về khoản thu	1 - ...
2	Về mức thu	1 - ...
3	Về nội dung khác	1 - ...

Lưu ý: Tổng hợp theo nội dung tham gia, không tổng hợp theo người tham gia.

2. Ý kiến/lý do không đồng ý (với Nghị quyết hoặc khoản thu, mức thu ...)

1-

...

....., ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 04

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ...**TỔNG HỢP**

Kết quả lấy ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh đối với Dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

I. Kết quả xin ý kiến tham gia

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % (so với tổng số)
1	Trường/trung tâm tổ chức xin ý kiến		
2	Lớp tổ chức xin ý kiến		
3	Cha mẹ học sinh được xin ý kiến		
4	Cha mẹ học sinh đồng ý hoàn toàn		
5	Cha mẹ học sinh đồng ý nhưng đề nghị sửa đổi, bổ sung		
6	Cha mẹ học sinh có ý kiến tham gia		
7	Cha mẹ học sinh không đồng ý		

II. Tổng hợp ý kiến tham gia**1. Ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung:**

TT	Nội dung	Ý kiến
1	Về khoản thu	1 - ...
2	Về mức thu	1 - ...
3	Về nội dung khác	1 - ...

Lưu ý: Tổng hợp theo nội dung tham gia, không tổng hợp theo đơn vị trường.

2. Ý kiến/lý do không đồng ý (với Nghị quyết hoặc khoản thu, mức thu ...)

1-

...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Số: /TTr-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Căn cứ pháp lý

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền được Luật quy định.

2. Căn cứ thực tiễn

Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của cơ sở giáo dục công lập được cấp từ ngân sách nhà nước theo dự toán chi thường xuyên¹ bao gồm: (1) Chi lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo tiền lương; (2) Chi hoạt động khác: Kinh phí chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của nhà trường (khen thưởng chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu...). Chưa bao gồm chi nhiệm vụ

¹ Theo quy định tại Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ninh thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

đặc thù; sửa chữa và mua sắm lớn tài sản cố định, nâng cấp cơ sở vật chất theo các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí phục vụ chương trình đổi mới giáo dục phổ thông; các chế độ cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú, Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long.

Ngoài kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nguồn chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục được bổ sung từ 60% nguồn thu học phí² (40% trích lập dự phòng cải cách tiền lương). Do kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ sở giáo dục chưa đáp ứng nhu cầu nên ngoài các khoản thu từ ngân sách và học phí, các cơ sở giáo dục công lập được phép thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường³, tổng kinh phí từ các khoản thu này bình quân khoảng 1.000 tỷ đồng/năm (có Phụ lục 1 gửi kèm).

Đây là các khoản được thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh theo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của người dân trên địa bàn. Mức thu được xác định trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi, được thỏa thuận theo tinh thần tự nguyện, một số khoản thu, mức thu phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể giám sát việc thực hiện của các cơ sở giáo dục. Nhìn chung, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc theo quy định, tình trạng lạm thu được chấn chỉnh và giảm bớt, các trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm túc, kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh hầu hết các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc thu chi kinh phí từ cha mẹ người học, đáp ứng yêu cầu nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, tạo được sự ủng hộ và đồng thuận cao của cha mẹ học sinh vẫn còn một số cơ sở giáo dục thực hiện chưa đúng quy trình quản lý thu chi dẫn đến còn tình trạng lạm thu, áp đặt mức thu, chưa công khai minh bạch kết quả quyết toán thu chi... dẫn đến các ý kiến phản ánh không đồng thuận của cha mẹ học sinh.

Việc ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập sẽ: (1) Tạo hành lang pháp lý cho các cơ sở giáo dục huy động sự đóng góp từ cha mẹ học sinh để tổ chức các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường; (2) Thống nhất các khoản

² Mức thu theo quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

³ Các khoản thu phổ biến: Trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh; Phục vụ tổ chức bán trú trong các trường mầm non, tiểu học; Dạy thêm các môn văn hóa, các môn tự chọn (tin học, ngoại ngữ); Chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non ngoài giờ, ngày thứ Bảy, trong hè; Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Tăng cường kỹ năng nghe nói tiếng Anh có sự tham gia của người nước ngoài; Các chi phí cho hoạt động vệ sinh chung; Các hoạt động trải nghiệm, Tiền điện tiêu hao đối với các trường có lắp điều hòa tại lớp học; Các khoản thu xã hội hóa và các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho ...

thu và việc tổ chức thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong toàn tỉnh; (3) Tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh, người dân và các tổ chức xã hội tham gia giám sát việc thu, chi của các cơ sở giáo dục; (4) Khắc phục các tồn tại, hạn chế, bất cập trong việc thu và quản lý, sử dụng kinh phí thu từ cha mẹ học sinh; (5) Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Do nội dung Nghị quyết tác động đến nhiều đối tượng nên trong quá trình dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo ngoài việc thực hiện đúng, đầy đủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cần phải chú trọng việc lấy ý kiến tham gia, góp ý của các đối tượng chịu sự tác động, nhất là cha mẹ học sinh. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đã tổ chức Hội nghị xin ý kiến trực tiếp đối với dự thảo Nghị quyết của trên 600 cha mẹ học sinh và gần 2.000 cán bộ, giáo viên của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; đồng thời 589 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh cũng đã tổ chức xin ý kiến của trên 3.000 người đại diện cho gần 250.000 cha mẹ học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu các nội dung tham gia để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, tất cả các ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh đều nhất trí với sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết.

II. Nội dung Nghị quyết

1. Quy định các khoản thu và mức thu tối đa mỗi khoản thu

(Cách tính mức thu tối đa từng khoản thu theo Phụ lục 2 gửi kèm)

* Các khoản thu dịch vụ phục vụ

1.1. Khoản thu tổ chức bán trú tại trường

a) *Mục đích thu:* Hiện nay, có 100% trẻ mầm non ở 192/192 trường mầm non, 86,4% học sinh tiểu học ở 222/222 cơ sở giáo dục tiểu học được học 02 buổi/ngày (phần đầu đến năm 2025 tỷ lệ này đạt 100% để đảm bảo điều kiện đổi mới chương trình giáo dục). Do điều kiện lao động nên phần lớn cha mẹ học sinh học 2 buổi/ngày đều có nhu cầu cho con ở lại trường (bán trú ngày) nên các nhà trường đều tổ chức dịch vụ cho học sinh ăn và nghỉ trưa tại trường (dịch vụ bán trú). Việc tổ chức bán trú tại trường tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh yên tâm làm việc, giúp học sinh thuận lợi trong việc tiếp tục tham gia học tập vào buổi chiều, đồng thời tạo nền nếp sinh hoạt tập thể cho học sinh.

b) Các chi phí tổ chức bán trú và mức thu:

- Thuê người nấu ăn (áp dụng cho cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn tại trường). Đề xuất mức thu tối đa: 110.000 đồng/tháng/học sinh.

- Quản lý học sinh bán trú: Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp quản lý học sinh (80%); Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước và thuê bằng (20%). Đề xuất mức thu tối đa: 140.000 đồng/tháng/học sinh.

- Tiền ăn của học sinh (Tổng các chi phí trực tiếp: mua lương thực, thực

phẩm, gia vị ... và các chi phí gián tiếp: chất đốt, nước rửa bát, điện, nước ...):
 Đề xuất mức thu tối đa: 660.000 đồng/tháng/học sinh.

- Tiền mua sắm vật dụng phục vụ bán trú (chăn, gói, khăn mặt, bát, đĩa, cốc, xoong, nồi, bếp gas, bếp điện ...). Vào đầu năm học, trên cơ sở kiểm kê lại các vật dụng còn sử dụng được, nhà trường lập danh mục đề nghị mua sắm bổ sung và thông nhất với cha mẹ học sinh để trang bị. Đề xuất mức thu theo thực tế. (Các trường đặt xuất ăn cho học sinh từ dịch vụ bên ngoài trường không thu các khoản thuê người nấu ăn và mua sắm vật dụng phục vụ ăn bán trú).

1.2. Khoản thu phục vụ nước uống cho học sinh

a) Mục đích thu: Cung cấp nước uống cho học sinh, đảm bảo vệ sinh và khuyến khích học sinh uống nước.

b) Chi phí dịch vụ: Chi trả tiền nước uống, tiền công người quản lý cấp phát nước, chi phí vật tư (giá để, cốc uống nước ...)

c) Mức thu: Đề xuất mức thu tối đa (có tính bù trừ và mua nước với khối lượng lớn, thường xuyên):

- Trường học 01 buổi/ngày: 10.000 đồng/tháng/học sinh;

- Trường học 02 buổi/ngày: 15.000 đồng/tháng/học sinh.

1.3. Khoản thu giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ (đón sớm, trả muộn; trông giữ trẻ em ngày thứ Bảy; chăm sóc, giáo dục trẻ em tại trường trong hè)

a) Mục đích thu: Theo quy định, các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học tổ chức dạy 05 ngày/tuần (từ thứ Hai đến thứ Sáu), làm việc 08 giờ/ngày (buổi sáng từ 7h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h00 đến 17h00), thời gian năm học từ tháng 9 đến hết tháng 5 hàng năm. Do điều kiện về thời gian làm việc, một số cha mẹ của trẻ có nhu cầu đưa trẻ đến trường trước 7h00 (trường đón trẻ sớm) và đón trẻ sau 17h00 (trường trả trẻ muộn); gửi con tại trường ngày thứ Bảy; đề nghị tiếp tục chăm sóc, giáo dục trẻ em trong thời gian nhà trường được nghỉ hè. Để đáp ứng nhu cầu và tạo điều kiện cho cha mẹ của trẻ, các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức dịch vụ giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ.

b) Chi phí tổ chức dịch vụ: Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ (80%). Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước, vệ sinh và thuê bằng (20%)

c) Mức thu:

- Đón sớm, trả muộn: Đề xuất mức thu tối đa: 280.000 đồng/tháng/trẻ.

- Giáo dục trẻ ngày thứ Bảy: Đề xuất mức thu tối đa: 60.000 đồng/trẻ/ngày.

- Giáo dục trẻ em tại trường trong hè: Đề xuất mức thu tối đa: 300.000 đồng/tuần.

1.4. Khoản thu tổ chức học thêm cho học sinh

a) Mục đích thu: Nhằm tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy

định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm:

- Học thêm các môn văn hóa: áp dụng cho cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Hoạt động sau giờ học chính thức: Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao ...

- Học tin học: Theo chương trình tự chọn đối với tiểu học, trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên;

- Học ngoại ngữ: Theo chương trình cho trẻ em mầm non làm quen với ngoại ngữ, chương trình tự chọn đối lớp 1, lớp 2 tiểu học và các lớp giáo dục thường xuyên;

- Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy để tăng cường kỹ năng nghe nói, giao tiếp cho học sinh.

b) *Chi phí dịch vụ*: Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (80%); Chi cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, chi phí điện, nước và thuế (20%).

c) *Mức thu tối đa*:

- Học thêm các môn văn hóa: 10.000 đồng/giờ dạy/học sinh.

- Hoạt động sau giờ học chính thức: 15.000 đồng/giờ dạy/học sinh.

- Học tin học: 12.000 đồng/giờ dạy/học sinh.

- Học ngoại ngữ: 10.000 đồng/giờ dạy/học sinh.

- Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy: 30.000 đồng/giờ dạy/học sinh.

1.5. Khoản thu thuê phương tiện đưa đón học sinh

a) *Mục đích thu*: Tổ chức dịch vụ đưa đón học sinh (chủ yếu bằng xe ô tô) để tạo điều kiện cho những học sinh nhà ở xa trường, góp phần đảm bảo an toàn giao thông, thuận lợi trong việc quản lý học sinh.

b) *Đề xuất mức thu*: Theo thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với cơ sở giáo dục và đơn vị tổ chức dịch vụ.

1.6. Khoản thu chi phí sử dụng máy điều hòa lớp học phục vụ học sinh

a) *Mục đích thu*: Để tạo điều kiện cho học sinh học trong lớp, nhất là trong mùa hè, một số cơ sở giáo dục đã lắp máy điều hòa tại lớp học (từ nguồn thu xã hội hóa theo Đề án được duyệt hoặc các khoản viện trợ, quà tặng từ các tổ chức, cá nhân ...). Việc sử dụng máy điều hòa phát sinh chi phí điện năng tiêu hao trong khi chi phí này chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo.

b) *Đề xuất mức thu:* Theo thực tế điện năng tiêu hao theo đồng hồ đo điện năng lắp riêng cho các máy điều hòa lớp học.

*** Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ**

1.7. Khoản thu trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh

a) *Mục đích thu:* Do khoảng cách từ nhà đến trường xa, một số học sinh sử dụng phương tiện giao thông cá nhân (xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện) để đến trường. Để đảm bảo an toàn tài sản cho học sinh, giữ gìn an ninh trật tự, cảnh quan trong nhà trường, các cơ sở giáo dục đều tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh. Đây là công việc phát sinh theo thực tế, ngoài nhiệm vụ của bảo vệ nhà trường do đó cần thu kinh phí để chi trả cho các chi phí liên quan (chủ yếu là tiền công trông giữ).

b) *Chi phí dịch vụ:* Chi trả tiền công cho người trông giữ xe (80%); Chi công tác quản lý, mua dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe và thuế (20%).

c) *Mức thu:* Đề xuất mức thu tối đa: 30.000 đồng/tháng/xe đạp; 50.000 đồng/tháng/xe đạp điện, xe máy điện.

1.8. Khoản thu vệ sinh chung ngoài lớp học

a) *Mục đích thu:* Ngân sách nhà nước chưa đảm bảo chi phí cho hoạt động vệ sinh chung của nhà trường (sân trường, nhà vệ sinh chung của học sinh...); công việc này phải thực hiện thường xuyên trong giờ học (nhất là đối với nhà vệ sinh học sinh) nên không bố trí được học sinh thực hiện.

b) *Chi phí dịch vụ:* Chi phí thuê người dọn vệ sinh; Chi mua dụng cụ, vật tư phục vụ vệ sinh: Điện, nước, giấy vệ sinh, nước rửa..

c) *Mức thu:* Đề xuất mức thu tối đa: 15.000 đồng/tháng/học sinh.

1.9. Hoạt động trải nghiệm:

a) *Mục đích thu:* Hoạt động trải nghiệm được quy định trong chương trình giáo dục, giúp học sinh áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, tổ chức cho học sinh thăm quan tìm hiểu các mô hình, công nghệ đang có góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) *Chi phí tổ chức hoạt động:* Bao gồm các chi phí phục vụ việc đi lại của học sinh (thuê phương tiện), tiền thăm quan, ăn, nghỉ của học sinh khi tham gia hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

c) *Đề xuất mức thu:* Theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo), trong đó có chương trình, nội dung hoạt động và dự toán các chi phí để tổ chức hoạt động.

2. Quy định thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

2.1. Đối với việc xác định khoản thu

a) Nguyên tắc xác định khoản thu: Khoản thu phải phù hợp với điều kiện

thực tế của mỗi cơ sở giáo dục, xuất phát từ nhu cầu tự nguyện của đa số cha mẹ học sinh, vì quyền lợi của học sinh và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong nhà trường;

b) Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc xác định khoản thu, căn cứ danh mục các khoản thu theo quy định, cơ sở giáo dục đề xuất khoản thu cho từng năm học, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp (Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở giáo dục thuộc cấp huyện quản lý, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục trực thuộc).

2.2. Đối với việc xác định mức thu

a) Nguyên tắc xác định mức thu: Mức thu của mỗi khoản thu phải được xác định trên cơ sở dự toán chi được thỏa thuận, thống nhất của đa số cha mẹ học sinh, đảm bảo chi đúng mục đích, thu đủ chi; mức thu phải phù hợp với thu nhập của người dân trên địa bàn;

b) Trên cơ sở nguyên tắc xác định mức, cơ sở giáo dục đề xuất và thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu thể của mỗi khoản thu nhưng không được vượt quá mức thu tối đa theo quy định.

2.3. Đối với việc tổ chức thu, chi

a) Cơ sở giáo dục thực hiện thu sau khi được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt khoản thu, mức thu và thông báo công khai; thời điểm thu, số lần thu phải căn cứ vào nhu cầu chi và phù hợp với khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh;

b) Vào cuối học kỳ, cuối năm học, cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả thu và quyết toán chi từng khoản thu, thông báo công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

Trên đây là Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (có dự thảo Nghị quyết kèm theo). Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT.....;
- V0, V1-4, GD, TM3, TH6;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật giá năm 2012;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../11/2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là học sinh, viết tắt là HS) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

b) Không áp dụng đối với học sinh của các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và mức thu tối đa mỗi khoản thu như sau:

Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
<i>Dịch vụ phục vụ:</i>		
1. Tổ chức bán trú tại trường		
a) Thuê người nấu ăn	đồng/HS/tháng	110.000
b) Quản lý học sinh (mầm non, tiểu học)	đồng/HS/tháng	140.000
c) Tiền ăn	đồng/HS/tháng	660.000
d) Mua sắm vật dụng phục vụ	đồng/HS/năm	Theo thực tế
2. Nước uống		
a) Học 01 buổi/ngày	đồng/HS/tháng	10.000
b) Học 02 buổi/ngày	đồng/HS/tháng	15.000
3. Giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ		
a) Đón sớm, trả muộn	đồng/trẻ/tháng	280.000
b) Ngày thứ Bảy	đồng/trẻ/ngày	60.000
c) Trong thời gian nghỉ hè	đồng/trẻ/tuần	300.000
4. Học thêm		
a) Các môn văn hóa (trung học, thường xuyên)	đồng/HS/giờ dạy	10.000
b) Hoạt động khác sau giờ học chính thức	đồng/HS/giờ dạy	15.000
c) Tin học (tự chọn)	đồng/HS/giờ dạy	12.000
d) Ngoại ngữ (tự chọn)	đồng/HS/giờ dạy	10.000
đ) Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy	đồng/HS/giờ dạy	30.000
5. Thuê phương tiện đưa đón học sinh	đồng/HS/tháng	Theo thỏa thuận
6. Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học	đồng/HS/tháng	Theo thực tế
<i>Dịch vụ hỗ trợ:</i>		
7. Trông giữ phương tiện tham gia giao thông		
a) Xe đạp	đồng/xe/tháng	30.000
b) Xe đạp điện, xe máy điện	đồng/xe/tháng	50.000
8. Vệ sinh chung ngoài lớp học	đồng/HS/tháng	15.000
9. Hoạt động trải nghiệm	đồng/HS/năm	Theo Kế hoạch được phê duyệt

Điều 3. Quy định thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục như sau:

1. Đối với việc xác định khoản thu

a) Khoản thu phải phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ sở giáo dục, xuất phát từ nhu cầu tự nguyện của đa số cha mẹ học sinh, vì quyền lợi của học sinh và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong nhà trường;

b) Căn cứ danh mục các khoản thu quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, cơ sở giáo dục đề xuất khoản thu cho từng năm học.

2. Đối với việc xác định mức thu

a) Mức thu của mỗi khoản thu phải được xác định trên cơ sở dự toán chi được thỏa thuận, thống nhất của đa số cha mẹ học sinh, đảm bảo chi đúng mục đích, thu đủ chi; mức thu phải phù hợp với thu nhập của người dân trên địa bàn;

b) Cơ sở giáo dục đề xuất và thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể của mỗi khoản thu nhưng không được vượt quá mức thu tối đa quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

3. Đối với việc tổ chức thu, chi

a) Cơ sở giáo dục thực hiện thu sau khi được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt khoản thu, mức thu và thông báo công khai; thời điểm thu, số lần thu phải căn cứ vào nhu cầu chi và phù hợp với khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh;

b) Vào cuối học kỳ, cuối năm học, cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả thu và quyết toán chi từng khoản thu, thông báo công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày .../12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày .../12/2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở ban ngành của tỉnh;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VX3.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Ký

Phụ lục 01:
TỈNH HÌNH THỰC HIỆN
Các khoản thu năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020 của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập
(Kèm theo Tờ trình số /TT-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung các khoản thu	Số học sinh					Mức thu bình quân (đồng/HS/tháng)	Số tiền	Số học sinh					Mức thu bình quân (đồng/HS/tháng)	Số tiền
		Tổng	MN	TH	THCS	THPT			Tổng	MN	TH	THCS	THPT		
1	Tổ chức bán trú trong các trường MN, TH														
	a) Tiền ăn	120.541	65.932	54.609			484.000	525.076.596.000	117.398	60.447	56.951			484.000	511.385.688.000
	b) Thuê người nấu	120.541	65.932	54.609			110.000	13.259.510.000	117.398	60.447	56.951			110.000	116.224.020.000
	c) Quản lý trông trưa	120.541	65.932	54.609			120.000	130.184.280.000	117.398	60.447	56.951			120.000	126.789.840.000
	d) Mua sắm vật dụng dùng chung	14.038	11.338	2.700			150.000	2.105.700.000	23.273	21.096	2.177			150.000	3.490.950.000
	đ) Tiền điện, nước phục vụ bán trú	120.541	65.932	54.609			3.000	3.254.607.000	117.398	60.447	56.951			3.000	3.169.746.000
2	Nước uống tinh khiết	161.068		88.105	49.833	23.130	7.000	10.147.284.000	182.534		105.825	51.033	25.676	7.000	11.499.642.000
3	Giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ														
	a) Trồng trẻ ngoài giờ	29.582	29.582				80.000	21.299.040.000	33.158	33.158				80.000	23.873.760.000
	b) Chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ Bảy	10.036	10.036				160.000	14.451.840.000	10.006	10.006				160.000	14.408.640.000
	c) Tổ chức hoạt động giáo dục trong hè	7.197	7.197				1.100.000	15.833.400.000	6.564	6.564				1.100.000	14.440.800.000
	Học thêm														
	b) Học thêm các môn văn hóa cấp THCS	17.898			17.898		300.000	42.955.200.000	18.914		18.914			300.000	45.393.600.000
	c) Học thêm các môn văn hóa cấp THPT	12.373				12.373	360.000	35.634.240.000	13.425			13.425		360.000	38.664.000.000
	d) Hoạt động giáo dục sau giờ học sinh thức	40.832	20.025	18.625	2.182		160.000	58.798.080.000	49.234	20.511	21.900	6.823		160.000	70.896.960.000
	đ) Tăng cường kỹ năng nghề nói tiếng Anh	33.180	1.700	22.300	6.934	2.246	280.000	83.613.600.000	36.514	2.540	23.721	7.621	2.632	280.000	92.015.280.000
5	Thuê phương tiện đưa đón học sinh	29.149		13.487	15.662		80.000	20.987.121.600	30.614		13.900	16.715		80.000	22.042.324.800
6	Tiền điện máy điều hòa lớp học	131.244	19.780	61.304	37.291	12.871		5.905.000.000	134.485	18.134	63.180	39.797	13.374		6.051.000.000
7	Trông giữ phương tiện tham gia giao thông	45.143		6.826	18.724	19.593		14.220.045.000	47.323		7.172	20.462	19.689		14.906.745.000
8	Các chi phí cho hoạt động vệ sinh chung	102.590	27.230	75.360			10.000	9.233.100.000	98.566	31.894	66.672			10.000	8.870.940.000
9	Các hoạt động trải nghiệm	22.293		12.261	7.458	2.574		4.012.000.000	23.270		12.636	7.959	2.675		4.188.000.000
	Tổng cộng							1.010.970.643.600							1.128.311.935.800

Phụ lục 2:

THUYẾT MINH

Xác định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Tờ trình số /TTrUBND ngày /11/2020)

I. Cơ sở pháp lý:

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;
- Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;
- Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo;
- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;
- Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;
- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục mầm non;
- Quyết định số 16/2006/QĐ-UBND ngày 05/5/2006, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

II. Cách tính toán mức thu:

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
<i>Dịch vụ phục vụ:</i>			
1. Tổ chức bán trú tại trường			
a) Thuê người nấu ăn	Mức chi bằng mức lương tối thiểu vùng I theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP là: 3.920.000 đồng/01 tháng/35 học sinh, Mỗi học sinh phải đóng góp: 3.920.000 đồng/35 HS = 112.000 đồng/học sinh/tháng.	đồng/HS/tháng	110.000
b) Quản lý học sinh (mâm non, tiểu học)	+ Chi bồi dưỡng cho giáo viên trực tiếp quản lý học sinh: Vận dụng mức chi trả theo chế độ làm thêm giờ đối với giáo viên Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo. Tính tiền lương làm thêm giờ của giáo viên mầm non: Hệ số lương bình quân: 3,66 Hệ số phụ cấp ưu đãi (35%): 1,28 Hệ số phụ cấp thâm niên (15%): 0,55 Tổng hệ số lương, phụ cấp: 5,49 Tiền lương của 1 năm: 5,49 * 1.490.000 * 12 tháng = 98.161.200 Định mức giờ dạy: 6 giờ * 5 ngày * 35 tuần = 1.050 giờ Số tuần dành cho giảng dạy: 35 tuần Tiền lương 01 giờ dạy: 98.161.200 đồng / 1050 tiết) * (35 tuần / 52 tuần) = 62.923 đồng Tiền lương 01 giờ dạy thêm: 62.923 đồng * 150% = 94.385 đồng Thời gian làm việc trung bình 02 giờ dạy/ngày, mức chi là 188.000 đồng/ngày/lớp; + Chi cho cán bộ quản lý, y tế, bảo vệ, chi phí điện, nước và thuế bằng 20% tổng thu, số tiền: 47.000 đồng/ngày/lớp. Tổng chi: 235.000 đồng/ngày/lớp * 22 ngày = 5.170.000 đồng/tháng /lớp. Mỗi học sinh phải đóng góp (trung bình 35 học sinh/lớp) là: 5.170.000 đồng/ 35 học sinh = 147.700 đồng/HS/tháng	đồng/HS/tháng	140.000

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
c) Tiền ăn	- Tổng các chi phí trực tiếp: mua lương thực, thực phẩm, gia vị ... và các chi phí gián tiếp: chất đốt, nước rửa bát, điện, nước ... - Theo tình hình khảo sát thực tế các cơ sở đã thực hiện: 20.000 - 30.000 đồng/HS/xuất ăn. Tiền ăn 01 học sinh trong tháng: 30.000 đồng * 22 ngày = 660.000 đồng/HS/tháng	đồng/HS/tháng	660.000
d) Mua sắm vật dụng phục vụ	Mua sắm vật dụng phục vụ bán trú (chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, cốc, xoong, nồi, bếp gas, bếp điện ...). Vào đầu năm học, trên cơ sở kiểm kê lại các vật dụng còn sử dụng được, nhà trường lập danh mục đề nghị mua sắm bổ sung và thống nhất với cha mẹ học sinh để trang bị.	đồng/HS/năm	Theo thực tế
2. Nước uống			
Theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-GDDT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học, trong đó có quy định: Trường học cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học (trung bình 0,4 lít/buổi học). Đơn giá nước uống tinh khiết (loại bình 18 lít) hiện nay là 1.300 đồng/lít.			
a) Học 01 buổi/ngày	$0,4 \text{ lít} \times 25 \text{ ngày} \times 1.300 \text{ đồng} = 13.000 \text{ đồng};$	đồng/HS/tháng	10.000
b) Học 02 buổi/ngày	$0,4 \text{ lít} \times 2 \text{ buổi} \times 22 \text{ ngày} \times 1.300 \text{ đồng} = 23.400 \text{ đồng}$	đồng/HS/tháng	15.000
3. Giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ			
a) Đón sớm, trả muộn	<i>Tính tiền lương làm thêm giờ của giáo viên mầm non:</i> Hệ số lương bình quân : 3,66 Hệ số đãi (35%): 1,28 Hệ số thâm niên (15%): 0,55 Tổng hệ số lương, phụ cấp: 5,49 Tiền lương của 1 năm: $5,49 \times 1.490.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 98.161.200 \text{ đồng}$ Định mức giờ dạy: $6 \text{ giờ} \times 5 \text{ ngày} \times 35 \text{ tuần} = 1.050$ Số tuần dành cho giảng dạy (theo Thông tư số 48/2011/TT-GDDT): 35 tuần Tiền lương 1 giờ dạy: $(98.161.200 \text{ đồng} / 1050 \text{ tiết}) *$	đồng/trẻ/tháng	280.000

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
	<p>$(35 \text{ tuần}/52 \text{ tuần}) = 62.923 \text{ đồng}$ Tiền lương 1 giờ dạy thêm: $62.923 \text{ đồng} * 150\% = 94.385 \text{ đồng}$ Số giờ làm việc: 02 giờ/ngày/giáo viên; số người làm việc: 02 giáo viên/lớp. Tổng chi: 377.500 đồng/ngày/nhóm, lớp. Chi phí đối với 01 trẻ/tháng là (trung bình 30 trẻ/nhóm, lớp) là: $377.500 \text{ đồng} / 30 \text{ trẻ} * 22 \text{ ngày} = 276.800 \text{ đồng/trẻ/tháng}$</p>		
b) Ngày thứ Bảy	<p>+ Chi bồi dưỡng giáo viên theo mức chi trả chế độ làm thêm của giáo viên: Tiền lương 01 ngày làm thêm: $94.385 \text{ đồng} * 8 \text{ giờ} = 755.080 \text{ đồng/ngày}$; nhóm/lớp 30 trẻ cần 02 giáo viên chăm sóc, giáo dục, số tiền chi trả: 1.510.000 đồng/ngày; + Chi cho công tác quản lý, chi phí điện, nước, vệ sinh và thuế bằng 20% tổng thu, số tiền: 377.000 đồng/ngày. Tổng chi: 1.887.000 đồng/ngày/nhóm, lớp (không bao gồm chi phí tổ chức bán trú) Chi phí đối với 01 trẻ/ngày: $1.887.000 \text{ đồng}/30 \text{ trẻ} = 62.900 \text{ đồng/trẻ/ngày}$.</p>	đồng/trẻ/ngày	60.000
c) Trong thời gian nghỉ hè	Tương tự như đối với chi phí chăm sóc trẻ em ngày thứ Bảy (05 ngày/tuần): $62.900 \text{ đồng} * 5 \text{ ngày} = 314.500 \text{ đồng/tuần}$.	đồng/trẻ/tuần	300.000
4. Học thêm			
a) Các môn văn hóa (trung học, thường xuyên)	<p>+ Chi cho giáo viên trực tiếp dạy: Tính tiền lương làm thêm giờ của giáo viên THPT: Hệ số lương bình quân: 3,66; Hệ số ưu đãi (35%): 1,28; Hệ số thâm niên (15%): 0,55. Tổng hệ số lương, phụ cấp: 5,49 Tiền lương của 1 năm: $5,49 * 1.490.000 \text{ đồng} * 12 \text{ tháng} = 98.161.200 \text{ đồng}$ Định mức giờ dạy: $17 \text{ giờ} * 37 \text{ tuần} = 629 \text{ giờ dạy}$ Số tuần dành cho giảng dạy: 37 tuần Tiền lương 1 giờ dạy: $(98.161.200 \text{ đồng} / 629 \text{ tiết}) * (37 \text{ tuần}/52 \text{ tuần}) = 111.041 \text{ đồng}$ Tiền lương 1 giờ dạy thêm: $111.041 \text{ đồng} * 150\% = 166.562 \text{ đồng}$</p>	đồng/HS/giờ dạy	10.000

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
	<p>+ Chi cho công tác quản lý, chi phí điện, nước và thuế bằng 20% tổng thu, số tiền: 41.600 đồng/giờ dạy.</p> <p>Tổng chi: 208.162 đồng/giờ dạy/lớp;</p> <p>Chi phí cho 01 học sinh (lớp dạy thêm trung bình 20 học sinh): 208.162 đồng/ 20 học sinh = 10.408 đồng/học sinh/giờ dạy.</p>		
b) Hoạt động khác sau giờ học chính thức	<p>Hoạt động sau giờ học chính thức (giáo dục kỹ năng sống, giáo dục phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao ...): Tính theo chi phí thực tế, phổ biến hiện nay đang thực hiện ở các cơ sở giáo dục theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 15.000 đồng/giờ dạy/học sinh.</p>	đồng/HS/ giờ dạy	15.000
c) Tin học (theo chương trình tự chọn đối với tiểu học, trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên)	<p>+ Chi cho giáo viên trực tiếp dạy: Tính tiền lương làm thêm giờ của giáo viên THCS có hệ số lương bình quân: 3,65; hệ số ưu đãi (35%): 1,28; Hệ số thâm niên (15%): 0,55. Tổng hệ số lương, phụ cấp: 5,48. Tiền lương của 01 năm: 5,48 * 1.490.000 đồng * 12 tháng = 97.893.000 đồng</p> <p>Định mức giờ dạy: 19 giờ * 35 tuần = 665 giờ dạy; số tuần dành cho giảng dạy: 35 tuần. Tiền lương 1 giờ dạy: (97.893.000 đồng / 665 tiết) * (35 tuần / 52 tuần) = 99.082.000 đồng. Tiền lương 1 giờ dạy thêm: 99.082.000 đồng * 150% = 148.623.000 đồng</p> <p>+ Chi cho công tác quản lý, chi phí điện, nước, vật tư tiêu hao (giấy, mực in) và thuế bằng 35% tổng thu, số tiền: 80.027 đồng/giờ dạy.</p> <p>Tổng chi: 228.650.000 đồng/giờ dạy/lớp;</p> <p>Chi phí cho 01 học sinh (lớp dạy thêm trung bình 20 học sinh): 228.650.000 đồng/ 20 học sinh = 11.432 đồng/học sinh/giờ dạy.</p>	đồng/HS/ giờ dạy	12.000
d) Ngoại ngữ (tự chọn)	<p>Học ngoại ngữ: (theo chương trình cho trẻ em mầm non làm quen với ngoại ngữ, chương trình tự chọn đối lớp 1, lớp 2 tiểu học và giáo dục thường xuyên). Mức thu bằng mức thu tiền học thêm 10.000 đồng/học sinh/giờ dạy.</p>	đồng/HS/ giờ dạy	10.000

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
đ) Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy	Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy: Tính theo chi phí thực tế, phổ biến hiện nay đang thực hiện ở các cơ sở giáo dục theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ 25.000 - 30.000 đồng/giờ dạy/HS	đồng/HS/ giờ dạy	30.000
5. Thuê phương tiện đưa đón học sinh			
Theo thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với cơ sở giáo dục và đơn vị tổ chức dịch vụ.		đồng/HS/ tháng	Theo thỏa thuận
6. Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học			
Theo thực tế điện năng tiêu hao theo đồng hồ đo điện năng lắp riêng cho các máy điều hòa lớp học.		đồng/HS/ tháng	Theo thực tế
Dịch vụ hỗ trợ:			
7. Trông giữ phương tiện tham gia giao thông			
Áp dụng quy định tại Quyết định số 353/2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (mức thu: 50.000 đồng/tháng/xe đạp, 90.000 đồng/tháng/xe máy).			
a) Xe đạp	Đề xuất mức thu tối đa (bằng 60% tổng mức thu theo tháng): 30.000 đồng/tháng/xe đạp;	đồng/xe/ tháng	30.000
b) Xe đạp điện, xe máy điện	Đề xuất mức thu tối đa (bằng 60% tổng mức thu theo tháng): 50.000 đồng/tháng/xe đạp điện, xe máy điện.	đồng/xe/ tháng	50.000
8. Vệ sinh chung ngoài lớp học		đồng/HS/ tháng	15.000
<ul style="list-style-type: none"> - Chi thuê người dọn vệ sinh (tính bình quân 10 lớp thuê 01 người), mức chi bằng mức lương tối thiểu vùng I theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP là: 3.920.000 đồng/tháng; - Chi tiền hao mòn dụng cụ, vật tư chi phí phục vụ vệ sinh (điện, nước, giấy vệ sinh, nước rửa ...): Dự kiến bằng 30% tổng chi là: 1.680.000 đồng - Tổng chi: 5.600.000 đồng/tháng/10 lớp. - Chi phí đối 01 học sinh/tháng: 5.600.000 đồng/10 lớp/35 học sinh = 16.000 đồng/học sinh/tháng. 			
9. Hoạt động trải nghiệm			

Khoản thu	Cách tính toán	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
	<i>Theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo), trong đó có chương trình, nội dung hoạt động và dự toán các chi phí để tổ chức hoạt động.</i>	đồng/HS/ năm	Theo Kế hoạch

